

BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học
Năm học 2020 – 2021

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	35.938	34.702 (Cơ sở 1; Cơ sở 2; KTX SV nhà K CS1)	Không	Không
Trong đó:					
a	Trụ sở chính (Cơ sở 1) tại số 51, đường Quốc Hương, phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh	6.514	6.514	Không	Không
	Ký túc xá sinh viên nhà K (Cơ sở 1) tại số 7, đường Đặng Hữu Phổ, phường Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM	962	962	Không	Không
b	Phân hiệu: Không có phân hiệu	Không	Không	Không	Không
c	Cơ sở 2 tại số 288, đường Đỗ Xuân Hợp, phường Phước Long A, Quận 9, TP.HCM	27.226	27.226	Không	Không
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	8.238	8.238	Không	Không



[Signature]

Trong đó:					
a	Trụ sở chính (Cơ sở 1)	5.038	5.038	Không	Không
b	Phân hiệu: Không có phân hiệu	Không	Không	Không	Không
c	Cơ sở 2 tại số 288, đường Đỗ Xuân Hợp, phường Phước Long A, Quận 9, TP.HCM	3.200	3.200	Không	Không

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

TT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không
2	Phòng thực hành (các khoa: Di sản văn hóa; Quản lý văn hóa, nghệ thuật; Thông tin, Thư viện; Truyền thông, phòng thực hành tin học)	08	Thực hành	Sinh viên, giảng viên	654	654	Không	Không
3	Xưởng thực tập	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không
4	Nhà tập đa năng (tại CS1: tầng trệt nhà C; phòng C.31)	02	Học thực hành, luyện tập, thực hành môn học năng khiếu	SV, GV	442	442	Không	Không
5	Hội trường	02	Học.	SV,	1.208	1.208	Không	Không

Hem

	- CS1: 600 chỗ - CS2: 210 chỗ		hợp, hội, biểu diễn văn nghệ	GV				
6	Phòng học (không tính các phòng thực hành; phòng thực hành tin học; phòng tập đa năng; hội trường)	69	Học, hợp	SV, GV	4.715	4.715	Không	Không
7	Phòng học đa phương tiện	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không
8	Thư viện	02	Học tập, nghiên cứu	SV, GV	1.038	1.038	Không	Không
9	Trung tâm học liệu	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không
10	Các phòng chức năng khác	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	03
2	Số chỗ ngồi đọc	300
3	Số máy tính của thư viện	17
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	- 29,607 đầu/ 57,358 bản - 527 tên sách e-book - 115 tên báo, tạp chí (Tính đến ngày 12/05/2020)
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	01

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên, học viên: 35.938 m ² /2.450 SV	14,67 m ² /SV
2	Diện tích sàn/SV, HV: 8.238 m ² /2.450 SV	3,36 m ² /SV

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 6 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thế Dũng